| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 3236/QĐ-UBND | *Bình Định, ngày 30 tháng 08năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 10**
**Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**
**Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

## CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Văn bản số 7402/UBND -KT ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí mai táng, cải táng ra khỏi phạm vi quy hoạch xây dựng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị du lịch sinh thái Diêm Vân;*

*Theo Văn bản số 173/UBND-ĐC ngày 10/8/2023 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất để thực hiện Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 27/TTr-HĐBTGPMB ngày 28/8/2023 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết - Đợt 10).*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 10 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **2.388.683.295 đồng** *(Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi lăm đồng),* trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 2.341.846.368 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 46.836.927 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)*

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách tỉnh.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 10 kèm theo Tờ trình số 27/TTr-HĐBTGPMB ngày 28/8/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

**Điều 2**. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K10, K16.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

Số: 3236/QĐ-UBND
Thời gian ký: 30/08/2023 13:08:49 +07:00

**PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ - ĐỢT 10**

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG KÈ VÀ GPMB KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ KHU DÂN THUỘC KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC**

**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THÔN DIÊM VÂN, XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Họ, tên chủ hộ | Bồi thường | | | Tổng bồi thường | Hỗ trợ | | | Tổng hỗ trợ | Tổng cộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Bồi thường về đất ở | Bồi thường về cây trồng | Bồi thường về vật kiến trúc | | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm | Hỗ trợ chi phí di chuyển mồ mả có cự ly | Hỗ trợ mộ có xác chưa phân hủy | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=(3+4+5) | 7 | 8 | 9 | 10=(7+8+9) | 11=(6+10) | |
| 1 | Lê Tài (chết); Vợ: Võ Thị Quai | 23.987.800 | | | 23.987.800 | | | | | **23.987.800** | |
| 2 | Nguyễn Thị Hương (chết); Con: Nguyễn Thị Cúc | 43.062.700 | | | 43.062.700 | | | | | **43.062.700** | |
| 3 | Nguyễn Thị Mên (chết); Con: Mai Xuân Sang | 17.658.700 | | | 17.658.700 | | | | | **17.658.700** | |
| 4 | Nguyễn Thị Túy | 45.712.600 | | | 45.712.600 | | | | | **45.712.600** | |
| 5 | Lê Thị Đành | 29.776.700 | | | 29.776.700 | | | | | **29.776.700** | |
| 6 | Nguyễn Văn Sáu | 34.470.600 | | | 34.470.600 | | | | | **34.470.600** | |
| 7 | Phan Kim Bá (chết); Con: Phan Văn Châu (đại diện kê khai) | 29.557.700 | | | 29.557.700 | | | | | **29.557.700** | |
| 8 | Trần Ngọc Vinh (chết); Vợ Phạm Thị Lang | 43.683.200 | | | 43.683.200 | | | | | **43.683.200** | |
| 9 | Mai Văn Dư | 48.826.700 | | | 48.826.700 | | | | | **48.826.700** | |
| 10 | Phạm Cảnh Ẩn (chết); Vợ: Võ Thị Dần | 613.489.200 | | | 613.489.200 | | | | | **613.489.200** | |
| 11 | Phan Văn Cày (chết); Vợ: Nguyễn Thị Hoa | 157.407.000 | 1.620.000 | | 159.027.000 | 472.221.000 | | | 472.221.000 | **631.248.000** | |
| 12 | Phan Văn Cống | 73.690.900 | 2.692.000 | 4.532.868 | 80.915.768 | 221.072.700 | | | 221.072.700 | **301.988.468** | |

| TT | Họ, tên chủ hộ | Bồi thường | | | Tổng bồi thường | Hỗ trợ | | | Tổng hỗ trợ | Tổng cộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Bồi thường về đất ở | Bồi thường về cây trồng | Bồi thường về vật kiến trúc | | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm | Hỗ trợ chi phí di chuyển mồ mả có cự ly | Hỗ trợ mộ có xác chưa phân hủy | | | |
| 13 | Phan Văn Hà | 105.293.000 | 6.032.000 | 32.460.000 | 143.785.000 | 315.879.000 | | | 315.879.000 | **459.664.000** | |
| 14 | Mai Xuân Thống | | | | | | | 11.200.000 | 11.200.000 | **11.200.000** | |
| 15 | Phạm Thị Bảy | | | | | | | 5.600.000 | 5.600.000 | **5.600.000** | |
| 16 | Ban nhân dân thôn, Trưởng thôn Lê Văn Trương (đại diện kê khai) | | | | | | 1.920.000 | | 1.920.000 | **1.920.000** | |
| | **TỔNG CỘNG** | **1.266.616.800** | **10.344.000** | **36.992.868** | **1.313.953.668** | **1.009.172.700** | **1.920.000** | **16.800.000** | **1.027.892.700** | **2.341.846.368** | |
| **A** | **TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:** | | | | | | | | | **2.341.846.368** | |
| **B** | **CHI PHÍ GPMB (2% A):** | | | | | | | | | **46.836.927** | |
| **C** | **TỔNG CỘNG (A+B):** | | | | | | | | | **2.388.683.295** | |

**PHỤ LỤC 02:**

**DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT - ĐỢT 10**

**Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

**Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Họ, tên chủ hộ | Địa chỉ | Thành tiền |
|---|---|---|---|
| 1 | Lê Tài (chết);<br>Vợ: Võ Thị Quai | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **23.987.800** |
| 2 | Nguyễn Thị Hương (chết);<br>Con: Nguyễn Thị Cúc | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **43.062.700** |
| 3 | Nguyễn Thị Mên (chết);<br>Con: Mai Xuân Sang | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **17.658.700** |
| 4 | Nguyễn Thị Túy | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **45.712.600** |
| 5 | Lê Thị Đành | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **29.776.700** |
| 6 | Nguyễn Văn Sáu | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **34.470.600** |
| 7 | Phan Kim Bá (chết);<br>Con: Phan Văn Châu (đại diện kê khai) | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **29.557.700** |
| 8 | Trần Ngọc Vinh (chết);<br>Vợ Phạm Thị Lang | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **43.683.200** |
| 9 | Mai Văn Dư | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **48.826.700** |
| 10 | Phạm Cảnh Ẩn (chết);<br>Vợ: Võ Thị Dần | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **613.489.200** |
| 11 | Phan Văn Cày (chết);<br>Vợ: Nguyễn Thị Hoa | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **631.248.000** |
| 12 | Phan Văn Cống | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **301.988.468** |
| 13 | Phan Văn Hà | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **459.664.000** |
| 14 | Mai Xuân Thống | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **11.200.000** |
| 15 | Phạm Thị Bảy | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **5.600.000** |
| 16 | Ban nhân dân thôn, Trưởng thôn Lê Văn Trương (đại diện kê khai) | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | **1.920.000** |
| | **TỔNG CỘNG** | | **2.341.846.368** |